

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HS-ST

Ngày: 13/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Nguyễn Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa có: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2017/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

PHÙNG VĂN T, sinh năm 1997; nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: tổ 24B, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; con ông Phùng Ngọc U và bà Võ Thị L; tiền án, tiền sự: Không; gia đình có hai người con, bị cáo là con thứ hai; bị bắt, tạm giam ngày 09/01/2017; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Đức P, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2000; trú tại: tổ 39, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Lê Đức P có bà Đặng Thị B, sinh năm 1950 (là bà nội); trú tại: K53H46/6 đường A, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Phạm Phương N, sinh năm: 1994; trú tại: 184/24 đường H, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 20 phút ngày 09/01/2017, tại phòng trọ thuộc tổ 24B, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ bắt quả tang Phùng Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật

thu giữ tại phòng trọ gồm: 09 gói nylon màu trắng kích thước 5cm x 10cm bên trong chứa đựng thân, bông, lá, hạt cây thảo mộc khô (T khai là ma túy cần sa mua về để bán lại cho người khác và được niêm phong có ký hiệu HTT.01), 125 vỏ bao ny-lon có kích thước khác nhau, 01 điện thoại di động màu trắng có chữ Mobistar gắn sim số 01262515605, 01 ví da màu nâu bên trong có 350.000đ và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phùng Văn T.

Tại Bản kết luận giám định số 98/GĐ-MT ngày 17/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Mẫu thực vật ký hiệu HTT.01 là cần sa có tổng trọng lượng là 38,051gam (cần sa và các chế phẩm từ cần sa nằm trong danh mục I, số thứ tự 8, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013).

Quá trình điều tra xác định: Vào tháng 11/2016, Phùng Văn T thuê phòng ở trọ của bà Võ Thị T tại tổ 24B, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng để ở chung với bạn gái là Phan Thị D (sinh năm 1997, trú tại xã V, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế) và T làm công nhân tại khu công nghiệp C nhưng làm được khoảng 01 tháng thấy tiền công thấp nên T nghỉ việc. Trong thời gian nghỉ việc, T sử dụng ma túy cần sa và để có tiền mua cần sa T đã nhiều lần sử dụng điện thoại di động màu trắng có chữ Mobistar gắn sim số 01262515605 truy cập internet vào trang mạng xã hội facebook để liên lạc với người đàn ông tham gia trên trang này (không rõ) mua ma túy là cần sa về bán lại kiếm lợi. Sau đó, tại khu vực đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, T đã gặp và mua cần sa nhiều lần với giá từ 300.000đ cho đến 3.100.000đ của người đàn ông (không rõ) rồi đem cần sa về phòng trọ của T để phân ra các gói nhỏ vừa sử dụng và vừa bán lại. T chụp lại hình ảnh các gói cần sa và đăng lên trang mạng xã hội facebook cùng số điện thoại của T để rao bán. Cơ quan điều tra đã xác định T nhiều lần bán cần sa cho người khác sử dụng như sau:

- Vào khoảng từ ngày 04 đến ngày 06/01/2017, tại khu vực đường H, thuộc phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng, T đã bán 01 gói cần sa với giá tiền 200.000đ cho Lê Đức Ph.

- Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến ngày 07/01/2017, tại khu vực nghĩa trang phường T, quận L và khu vực cầu S, quận C, thành phố Đà Nẵng, T bán cần sa 03 lần, mỗi lần 01 gói cần sa với giá tiền 300.000đ cho Phạm Phương N.

- Trước khi bị bắt khoảng 03 ngày, T mua 50 gram cần sa với giá 1.300.000đ đem về phòng trọ chia ra làm 11 gói, T bán 02 gói cần sa được 300.000đ cho 02 người thanh niên (không rõ) tại khu vực nghĩa trang phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng, T cất 09 gói cần sa còn lại tại phòng trọ để tiếp tục bán thì bị phát hiện bắt quả tang như nêu trên.

Bị cáo Phùng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phùng Văn T đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ bắt quả tang Phùng Văn T đang tàng trữ trái phép chất ma túy là 38,051gam cần sa để bán. Ngoài lần bị bắt quả tang nêu trên, Phùng Văn T đã bán trái phép chất ma túy cần sa

04 lần cho Lê Đức Ph và Phạm Phương N thu lợi bất chính được số tiền 1.100.000đồng

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản kết luận giám định số 98/GĐ-MT ngày 17/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

Bản cáo trạng số 27/KSĐT ngày 12/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ truy tố: Phùng Văn T về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn T từ 07 đến 08 năm tù. Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Phùng Văn T đã có hành vi nhiều lần dùng điện thoại truy cập internet vào trang mạng xã hội facebook để liên lạc với một người không rõ lai lịch mua ma túy cần sa, sau đó bị cáo đã phân ra thành các gói nhỏ vừa sử dụng và vừa bán lại kiếm lời. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ bắt quả tang Phùng Văn T đang tàng trữ trái phép chất ma túy là 38,051 gam cần sa chia làm 9 gói ni long màu trắng. Bị cáo T đã thực hiện bán ma túy cần sa 01 lần cho Lê Đức Ph với giá 200.000đ và bán 3 lần cho Phạm Phương N với giá 900.000đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.100.000đ. Như vậy hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Phùng Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, đi ngược lại với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc phòng chống và đẩy lùi tệ nạn ma túy do đó chấp nhận theo quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, phải xử phạt nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo giáo dục thành người có ích cho cộng đồng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình khó khăn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng:

Đối với chất ma túy là cần sa thu giữ sau khi giám định còn lại 33,665 gam cùng bao gói mẫu là chất ma túy cấm lưu hành và 125 vỏ bao ny-lon thu giữ của T là công cụ dùng để sử dụng ma túy, căn cứ vào Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động màu trắng Mobistar có số IMEI 359150821411873 gắn sim số 01262515605 của T là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, số tiền 350.000đồng là tiền sử dụng để mua bán cần sa, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 1.100.000đ do Phùng Văn T thu lợi có được từ việc bán ma túy trái phép 04 lần cho Lê Đức Ph và Phạm Phương N, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần truy thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 ví da màu đen và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phùng Văn T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho T.

Đối với Lê Đức Ph và Phạm Phương N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra tiến hành xử lý hành chính theo quy định là có cơ sở, nên HĐXX không đề cập đến.

Đối với Phan Thị D là bạn gái đến ở chung phòng trọ với Phùng Văn T tại tổ 24B, phường T, vợ chồng ông Lê Ánh K, sinh năm 1957 và bà Võ Thị T, sinh năm 1957 là chủ nhà trọ cho T thuê, nhưng D thấy T đem cây thực vật về phòng trọ và không biết đó là cần sa, ông K và bà T không biết việc T tàng trữ cần sa trong phòng trọ để bán lại cho người khác, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với đối người đàn ông trên trang mạng xã hội đã bán cần sa cho T và những người nam thanh niên khác đã mua cần sa của T nhưng do chưa xác định được lai lịch, nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau

Ngoài ra, T khai nhận thông qua trang mạng xã hội đã bán cần sa 03 lần cho 01 người đàn ông (không rõ) tại tỉnh Thừa Thiên Huế bằng cách thức gửi cần sa cho các xe khách để giao lại nhưng do chưa xác định được lai lịch người mua cần sa và xe khách đã vận chuyển, nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Phùng Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phùng Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 09/01/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 33,665 gam chất ma túy là cần sa thu giữ sau khi giám định và 125 vỏ bao ny-lon.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động màu trắng Mobistar có số IMEI 359150821411873 gắn sim số 01262515605 của T và số tiền 350.000đ thu giữ lúc bắt quả tang của T.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.100.000đ do Phùng Văn T thu lợi có được từ việc bán ma túy trái phép 04 lần cho Lê Đức Ph và Phạm Phương N.

Trả lại cho Phùng Văn T 01 ví da màu đen và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phùng Văn T.

(Các vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11.7.2017 và giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 11/7/2017).

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000đ.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- Công an Q. Cẩm Lệ;
- VKS ND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHA ĐS Q. Cẩm Lệ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Trang